

CHÍNH SÁCH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA THÁI LAN TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

NGUYỄN XUÂN TÙNG*
NGUYỄN QUỲNH TRANG**

Tóm tắt: Kể từ khi thủ Tướng Prayuth Chan - Ocha lên nắm quyền năm 2014, nền kinh tế Thái Lan có nhiều sự chuyển biến nhờ thi hành hàng loạt chính sách cải cách kinh tế, trong đó có chính sách kinh tế đối ngoại và bước đầu đạt được một số thành tựu đáng khích lệ như từ một nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi khủng hoảng tài chính Châu Á dần trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trong ASEAN và đứng trong top 15 quốc gia có GDP lớn nhất Châu Á⁽¹⁾ với GDP đạt mức 534,7 tỷ USD trong năm 2022⁽²⁾. Bài viết đề cập đến một số chính sách kinh tế đối ngoại và đánh giá tổng quan tình hình kinh tế đối ngoại của Thái Lan trong giai đoạn gần đây, đồng thời chỉ ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trên con đường phát triển.

Từ khóa: kinh tế đối ngoại, chính sách kinh tế đối ngoại, Thái Lan.

Mở đầu

Kinh tế đối ngoại là một trong những vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước bởi đây không chỉ là đặc trưng cơ bản của một nền kinh tế mà còn có ý nghĩa to lớn trong việc phát triển kinh tế như tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước xâm nhập và mở rộng thị trường ra quốc tế. Đồng thời khai thác triệt để lợi thế so sánh của quốc gia nhằm củng cố thị trường nội địa cũng như giúp các doanh nghiệp

nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu lợi ích quốc gia. Điều này là vô cùng quan trọng đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là với Thái Lan – quốc gia đa đảng, có nhiều sự bất ổn về chính trị là một trong những nguyên nhân khiến cho nền kinh tế bị kìm hãm sự phát triển. Tuy nhiên đến năm 2014 khi mà chính quyền Quân sự do tướng Prayuth Chan – Ocha lên nắm quyền thì nền kinh tế của xứ sở Chùa vàng có nhiều sự chuyển biến tích cực nhờ sự điều chỉnh hàng loạt chính sách kinh tế trong đó có chính sách kinh tế đối ngoại.

* TS. Nguyễn Xuân Tùng, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

** ThS. Nguyễn Quỳnh Trang, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

1. Các chính sách kinh tế đối ngoại của Thái Lan

Trong suốt nhiều năm hồi phục sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Châu Á năm 1997, Thái Lan đã bước đầu đạt được một số thành tựu nhất định như: tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5-7%/năm⁽³⁾, các ngành công nghiệp mũi nhọn khôi phục và có dấu hiệu tăng nhanh trở lại, tỷ lệ thất nghiệp giảm,... Tuy nhiên, bất ổn chính trị ở Thái Lan đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế đang trên đà phát triển này. Phải đến năm 2014 với sự nắm quyền của tướng Prayuth Chan - Ocha thì khủng hoảng chính trị mới kết thúc và mở ra thời kỳ mới cho kinh tế của Thái Lan thông qua việc điều chỉnh hàng loạt chính sách kinh tế.

1.1. Chính sách thương mại

Về xuất khẩu, trong những năm gần đây, Chính phủ Thái Lan không chỉ áp dụng một số loại thuế nhất định đối với hàng hóa xuất khẩu mà còn ban hành nhiều biện pháp thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu như: (i) Đa dạng hóa các thành phần kinh tế tham gia hoạt động xuất khẩu, bao gồm các công ty công hoặc trách nhiệm hữu hạn, các tổ chức kinh doanh nhà nước hoặc tư nhân, các hợp tác xã hoặc các nhóm nông dân; (ii) Bộ Thương mại lập danh sách các hạng mục hàng hóa xuất khẩu phải chịu sự kiểm soát của đạo luật cũng như các ưu đãi về thuế quan và miễn thuế được áp dụng cho các tổ chức và công ty kinh doanh đã đạt được tiêu chuẩn theo luật định, theo đó:

- Đối với các hàng hóa xuất khẩu thuộc loại thực phẩm thiết yếu như gạo, đường, trước hết phải được dự trữ đủ cho tiêu dùng nội địa rồi mới được xuất khẩu. Đặc biệt là gạo, để đảm bảo đáp ứng cho nhu

cầu nội địa, đồng thời để kiểm soát được giá gạo trong nước thì các nhà xuất khẩu phải bắt buộc đóng thuế xuất khẩu.

- Ngoài ra, các tổ chức và công ty xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, ngoài việc phải chịu sự kiểm soát của một số luật riêng như đạo luật buôn bán gạo, còn phải là hội viên của các hội buôn bán thích hợp có liên quan tới việc buôn bán thứ hàng hóa muốn xuất khẩu.

Về nhập khẩu, Chính phủ đưa ra danh sách phân loại các hàng hóa phải chịu sự kiểm soát nhập khẩu thông qua hình thức giấy phép. Hiện nay, các loại hàng hóa như: vũ khí, chất nổ, chất gây cháy, dược phẩm có tính chất kích thích, các hàng hóa đặc biệt... đều cần phải được Bộ Thương mại phê duyệt nghiêm ngặt và có cấp phép nhập khẩu. Các hàng hóa không thuộc danh sách trên thì được phép nhập khẩu tự do với điều kiện là phải có giấy phép của cơ quan chính phủ. Ngoài ra, để bảo vệ sản xuất trong nước, Chính phủ Thái Lan tiến hành điều chỉnh mức thuế nhập khẩu đối với một số loại hàng hóa chủ yếu (dầu thô, mạch tích hợp, vàng, khí dầu mỏ, và các bộ phận và phụ kiện của xe cơ giới)⁽⁴⁾. Hơn nữa, Thái Lan đã khuyến khích buôn bán đường biển bằng cách thông qua đạo luật mà theo đó một số hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu phải được chuyên chở bằng phương tiện vận chuyển của quốc gia này nếu không phải chịu hai lần cước phí vận tải theo quy định. Chính điều này đã tạo điều kiện cho ngành vận tải biển của Thái Lan phát triển mạnh.

Về thuế quan, nhằm thực hiện cam kết của Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Thái Lan đã cắt giảm gần 99% dòng thuế nhập khẩu đối với

hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia ASEAN về mức 0%⁽⁵⁾. Mức thuế suất trong giai đoạn này được áp dụng theo quy chế tối huệ quốc của Thái Lan (MFN) là 12,5%. Trong đó, khoảng 1/3 biểu thuế MFN của Thái Lan liên quan đến các mức thuế dưới 5% và 30% các dòng thuế được miễn thuế⁽⁶⁾, bao gồm cả hóa chất, điện tử, máy móc công nghiệp và giấy. Chính phủ đã ban hành chính sách ràng buộc tất cả thuế quan đối với các sản phẩm nông nghiệp trong WTO và 70% các dòng thuế đối với các sản phẩm công nghiệp.

Ngoài việc đánh thuế đối với các sản phẩm phi nông nghiệp khoảng 25,6% thì Thái Lan đánh thuế rất cao đối với một số hàng hóa như: 80% đối với xe cơ giới, 60% đối với xe máy và một số sản phẩm quần áo, 54% đến 60% đối với rượu chưng cất; 30% đối với một số mặt hàng nhựa, thiết bị nhà hàng và 30%-50% với các sản phẩm thực phẩm chế biến nhập khẩu cũng như các mặt hàng khác như thịt, trái cây và rau củ tươi, phô mai tươi, các loại đậu (đậu Hà Lan khô, đậu lăng,...)⁽⁷⁾. Hơn nữa, nước này tính thuế từ 10% đến 30% đối với một số sản phẩm nghe nhìn và áp dụng mức thuế 10% đối với hầu hết các sản phẩm dược phẩm, bao gồm các sản phẩm trong danh sách các loại thuốc thiết yếu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), ngoại trừ một số loại vaccine, thuốc phòng chống sốt rét và thuốc kháng virus⁽⁸⁾. Cùng với đó, Thái Lan duy trì danh sách hạn ngạch thuế suất (TRQ) từ các cam kết theo hiệp định của WTO về nông nghiệp cũng như áp đặt các yêu cầu mua trong nước đối với một số sản phẩm hạn ngạch thuế suất, bao gồm sữa khô không béo, đậu nành, bột đậu nành và khoai tây tươi. Ngoài ra, Chính phủ đang

có kế hoạch giảm dần rào cản về thuế và nới lỏng dần các quy định trong vài năm tới cho một số các mặt hàng có chọn lọc như nông sản và lương thực⁽⁹⁾.

Chính sách thương mại quốc tế của xứ sở chùa Vàng giai đoạn này cũng được Chính phủ tiến hành hàng loạt điều chỉnh nhằm nâng cao sức cạnh tranh cho hàng xuất khẩu cũng như tìm kiếm các mặt hàng xuất khẩu, thị trường mới, bao gồm:

- *Điều chỉnh định hướng xuất khẩu*: Bên cạnh các đối tác truyền thống là các nước phát triển, Thái Lan chú trọng tới các nước đang phát triển như: ASEAN, Trung Đông, Châu Phi, Trung Quốc... Để hỗ trợ xuất khẩu sang các thị trường mới, Thái Lan áp dụng các biện pháp: hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay trong vòng 5 năm đối với các nhà xuất khẩu sang thị trường mới...

- *Điều chỉnh cơ cấu thương mại quốc tế*: Đề cao vai trò khu vực dịch vụ (hiện nay là hơn 50% GDP) thông qua việc ưu tiên xuất khẩu 05 ngành nghề dịch vụ là: (i) ẩm thực; (ii) văn hóa phẩm; (iii) các hoạt động giải trí; (iv) thẩm mỹ viện; (v) chăm sóc sức khỏe và y tế.

- *Điều chỉnh cơ cấu tổ chức ngoại thương*: Chính phủ chủ trương điều chỉnh cơ cấu tổ chức, phân định rõ chức năng, vai trò của các trung tâm và văn phòng đại diện ở nước ngoài. Cụ thể là nhiệm vụ của các trung tâm là theo dõi thị trường và những vấn đề liên quan đến thương mại và văn phòng thương mại có nhiệm vụ triển khai các chính sách thương mại cũng như báo cáo và giải quyết các vấn đề phát sinh.

1.2. Chính sách đầu tư

Cũng như một số nền kinh tế đang nổi khác như Brazil, Trung Quốc và Ấn Độ,

chính sách đầu tư của Thái Lan là một trong những yếu tố quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững ở quốc gia này. Chính phủ Thái Lan đã có những chính sách ủng hộ các hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Hoạt động này nhằm mục đích cơ cấu lại nền kinh tế của đất nước; mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ nội địa; sử dụng hiệu quả nguồn vốn dồi dào trong nước; tăng sự ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền công nghiệp nội địa, đồng thời tạo thu nhập quốc dân cho đất nước. Cụ thể là, Thái Lan trong giai đoạn này đang hướng đến đầu tư tại các quốc gia theo 3 nhóm: (i) Myanmar, Indonesia, Việt Nam, Campuchia và Lào⁽¹⁰⁾; (ii) Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ASEAN khác; (iii) Trung Đông, Nam Á và Châu Phi.

Bên cạnh đó, Chính phủ chú trọng đầu tư một số ngành công nghiệp ưu tiên (Bảng 1).

Trong số những ngành công nghiệp được ưu tiên ở bảng trên thì có 03 ngành được quốc gia này đặt thứ tự ưu tiên lên hàng đầu là ngành Dệt may; ngành Thực phẩm và nông nghiệp; và ngành Phụ tùng ô tô⁽¹¹⁾. Bên cạnh đó, Chính phủ tiến hành 03 thay đổi lớn trong chính sách thu hút đầu tư nước ngoài trong giai đoạn này, bao gồm: *Thứ nhất*, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Thái Lan là hướng vào phát triển sản xuất phục vụ cho xuất khẩu.

Trước đây, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài được dựa trên chiến lược phát triển sản xuất thay thế nhập khẩu. Do đó, Thái Lan phải nhập khẩu nhiều máy móc, nguyên vật liệu, dẫn đến thâm hụt thương mại.

Bảng 1: Tổng hợp các ngành công nghiệp mà Thái Lan chú trọng đầu tư ra nước ngoài giai đoạn 2018 - 2022

Các ngành công nghiệp ưu tiên	Campuchia	Lào	Việt Nam	Myanmar	Indonesia
Thực phẩm và Nông nghiệp	X	X	X	X	X
Phụ tùng ô tô			X		
Dệt may	X		X	X	
Chăm sóc sức khỏe và lòng hiếu khách	X	X		X	X
Xây dựng và vật liệu xây dựng	X		X	X	X
Linh kiện điện tử và thiết bị				X	
Máy móc nông nghiệp	X			X	X
Các sản phẩm nhựa				X	
Logistics	X		X	X	X
Hàng Da			X		
Khai thác mỏ và khai thác đá				X	
Hóa dầu			X	X	X
Năng lượng và năng lượng thay thế	X	X	X	X	X
Khu công nghiệp	X		X	X	

Nguồn: Ủy ban Đầu tư Thái Lan (BOI).

Bảng 2 : Thuế nhập khẩu được áp dụng cho các nhóm quốc gia giai đoạn 2020 - 2022

Thuế nhập khẩu	Bên ngoài khu công nghiệp	Bên trong khu công nghiệp
Nhóm 1 ⁽¹²⁾	Giảm 50%	Giảm 50%
Nhóm 2 ⁽¹³⁾	Giảm 50%	Miễn thuế nhập khẩu
Nhóm 3 ⁽¹⁴⁾	Miễn thuế nhập khẩu	Miễn thuế nhập khẩu

Nguồn: <https://www.aseanbriefing.com/news/thailand-adopts-new-five-year-investment-promotion-strategy/>

Thứ hai, thu hẹp diện hưởng ưu đãi đầu tư từ 240 ngành, lĩnh vực như trước đây xuống còn 100 ngành, lĩnh vực. Đồng thời, ưu đãi đầu tư tập trung hơn vào 03 lĩnh vực, bao gồm: phát triển công nghệ cao; nghiên cứu và phát triển (R&D), hoạt động đào tạo công nghệ tiên tiến; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME).

Thứ ba, khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các vùng xa Bangkok và vùng nông thôn để thu hẹp khoảng cách phát triển. Ngoài ra, đứng trước tình hình chi phí sản xuất tăng và thiếu nguyên liệu, Chính phủ Thái Lan cũng khuyến khích doanh nghiệp Thái Lan đầu tư ra nước ngoài, nhất là các quốc gia ASEAN.

Song song với đó, Thái Lan tiếp tục đưa ra thêm 02 biện pháp khuyến khích bằng thuế và khuyến khích không bằng thuế nhằm thúc đẩy ưu đãi đầu tư nước ngoài.

- Khuyến khích bằng thuế: miễn, giảm thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị; giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp; khấu trừ hai lần chi phí vận chuyển, điện và nước; bổ sung 25% khấu trừ chi phí xây dựng và lắp đặt cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu và nguyên liệu thiết yếu sử dụng để sản xuất hàng xuất khẩu.

- Khuyến khích không bằng thuế: cho

phép công dân nước ngoài vào Thái Lan để nghiên cứu cơ hội đầu tư; cho phép đưa vào Thái Lan những lao động kỹ năng cao và chuyên gia để thực hiện việc xúc tiến đầu tư; cho phép sở hữu đất đai; cho phép mang lợi nhuận ra nước ngoài bằng ngoại tệ.

Tương tự như chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, chính sách ưu đãi đầu tư cũng được chia làm 03 nhóm quốc gia với các mức thuế ưu đãi khác nhau: (Xem Bảng 2).

Ngoài ra, nhận thấy việc mở rộng và tăng cường hợp tác lâu dài về kinh tế, công nghiệp và đặc biệt là để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư của Thái Lan tại nước ngoài và ngược lại là vô cùng cần thiết nên Thái Lan đã kí Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với nhiều quốc gia như Việt Nam, Myanmar, Canada... Việc đàm phán ký kết Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với các quốc gia một cách tích cực đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác hơn giữa Thái Lan và các nước, giúp các doanh nghiệp Thái Lan có niềm tin vững chắc vào việc đi đầu tư ra nước ngoài.

2. Kết quả thực thi chính sách kinh tế đối ngoại của Thái Lan

Sau khi tổng thống Prayuth Chan - Ocha lên nắm quyền và tiến hành sửa đổi cũng như ban hành hàng loạt chính sách kinh tế đối ngoại thì lĩnh vực này dần khôi phục sau nhiều năm kìm hãm phát triển và

bước đầu đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

Năm 2015 là năm đánh dấu sự thay đổi tích cực cho tình hình thương mại của Thái Lan khi các chính sách điều chỉnh của chính quyền mới bắt đầu có hiệu quả. Nếu như năm 2014, tổng kim ngạch thương mại chỉ đạt 23,9 tỷ USD thì đến năm 2015 đã tăng mạnh lên mức xấp xỉ khoảng 35,7 tỷ USD và tăng dần qua các năm⁽¹⁵⁾. Đặc biệt, theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB), năm tài khóa 2018 - 2019 là “giai đoạn vàng” của kim ngạch thương mại Thái Lan khi đạt mức 44,77 tỷ USD năm 2018 và 52,85 tỷ USD trong năm 2019⁽¹⁶⁾. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 cũng như chưa có sự điều chỉnh chính sách kịp thời từ Chính phủ nên trong giai đoạn 2020 - 2022, tổng kim ngạch thương mại của Thái Lan giảm nhanh chóng. Nếu trong năm 2020, thương mại Thái Lan chỉ đạt được tổng kim ngạch khoảng 26 tỷ USD thì đến cuối năm 2021 đã giảm mạnh xuống còn hơn 5,1 tỷ USD⁽¹⁷⁾. Năm 2022, tổng kim ngạch thương mại tiếp tục giảm xuống mức âm (-16,12 tỷ USD)⁽¹⁸⁾ do phải chịu tác động của tăng trưởng chậm toàn cầu. Theo báo cáo mới nhất của Bộ Thương mại Thái Lan thì trong 5 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu của Thái Lan đạt giá trị 92 tỷ USD, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm trước, trong khi kim ngạch nhập khẩu cũng giảm 2,2%, đạt 96,51 tỷ USD. Mức thâm hụt thương mại của Thái Lan trong giai đoạn này đạt 4,516 tỷ USD⁽¹⁹⁾. Cụ thể là, kim ngạch xuất khẩu của Thái Lan đã bắt đầu sụt giảm kể từ tháng 10/2022 với mức - 4,4%. Sự sụt giảm này đã tiếp tục trong các tháng tiếp theo, đạt mức đỉnh -14,6% vào tháng 12/2022 và tiếp tục cho tới tháng 5/2023 vừa qua⁽²⁰⁾. Đến tháng 5/2023, kim

ngạch xuất khẩu của Thái Lan đạt 21,72 tỷ USD, giảm 7,6%. Điều này chứng minh rằng Chính phủ cần phải đưa ra các biện pháp điều chỉnh kịp thời, hiệu quả hơn nữa thì mới có thể vượt qua được tình trạng này trong thời gian sớm nhất.

Giá trị hàng hóa công nghiệp xuất khẩu trong tháng 5 đã giảm 11,2%, là tháng sụt giảm thứ 7 liên tiếp. Các mặt hàng có mức giảm đáng kể nhất là các sản phẩm dầu mỏ, máy tính và linh kiện, máy móc và phụ tùng, trang sức và thép. Tuy nhiên, một số loại hàng hóa xuất khẩu vẫn có sự tăng trưởng như ô tô và phụ tùng, các thiết bị truyền thông, điện thoại và các sản phẩm bán dẫn. Trong khi đó, giá trị xuất khẩu nông sản và nông sản công nghiệp tăng 8,2%⁽²¹⁾, đạt tăng trưởng liên tiếp trong 03 tháng. Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực trong nhóm này bao gồm trái cây tươi, đông lạnh và sấy khô, gạo, đồ uống, thịt gà đông lạnh và rau đóng hộp⁽²²⁾. Ngoài ra, hàng hóa của Thái Lan xuất khẩu tới một số thị trường chính cũng có mức tăng trưởng đối lập nhau. Mặc dù có sự sụt giảm tại một số thị trường như Mỹ, Nhật Bản, ASEAN và châu Âu, nhưng xuất khẩu hàng hóa của Thái Lan sang Trung Quốc lại tăng 23%⁽²³⁾. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do suy thoái kinh tế toàn cầu và mức lạm phát cao tại nhiều quốc gia. Theo dự đoán của nhiều chuyên gia kinh tế, xuất khẩu của Thái Lan trong tháng tiếp theo sẽ tiếp tục giảm xuống do các quốc gia đối tác vẫn còn nguồn hàng dự trữ. Lượng hàng xuất khẩu của nước này dự kiến sẽ tăng trở lại trong nửa cuối năm 2023⁽²⁴⁾.

Về nhập khẩu, giá trị hàng hóa nhập khẩu của Thái Lan trong tháng 5/2023 giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2022, đạt

23,195 tỷ USD, điều này dẫn đến mức thâm hụt thương mại của Thái Lan trong tháng 5 đã lên tới 1,47 tỷ USD⁽²⁵⁾. Thái Lan nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô và hàng hóa trung gian (khoảng 56% tổng kim ngạch nhập khẩu); nhiên liệu chiếm 19%; các bộ phận của thiết bị điện tử chiếm 11%; vật liệu kim loại cơ bản chiếm 9% và hóa chất chiếm 5,5%; Máy móc, thiết bị và vật tư cơ khí chiếm 25%; hàng tiêu dùng chiếm 8%⁽²⁶⁾. Các đối tác nhập khẩu chính là Trung Quốc (26% tổng lượng nhập khẩu), Nhật Bản (14%) và Hoa Kỳ (5,7%) và theo sau là các quốc gia: Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Malaysia và Hàn Quốc (Xem Bảng 3).

Trong những năm gần đây, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Thái Lan có xu hướng tăng dần đều, nhất là sau khi kiểm soát được đại dịch Covid-19 và sự kiện Trung Quốc bãi bỏ chính sách Zero Covid. Theo báo cáo mới nhất của BOI thì nguồn FDI vào nước này tăng mạnh trong năm 2022, với tổng giá trị đạt 12,3 tỷ USD, tăng 36% so với năm 2021. Trong đó, có hơn 2.100 dự án mà BOI đã phê duyệt, chiếm khoảng 65% tổng giá trị đầu tư, lên đến 18,96 tỷ

USD⁽²⁷⁾. Các lĩnh vực thu hút vốn FDI chủ yếu gồm: xe điện; điện tử thông minh và mô hình kinh doanh tuần hoàn; sinh học và phát triển xanh;... Những lĩnh vực này đã thu hút khoảng 17,3 tỷ USD đầu tư trong giai đoạn 2020-2022. Sang đến quý II/2023, số vốn FDI mà Thái Lan nhận được là 4,5 tỷ USD, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc là nhà đầu tư lớn nhất với số dự án là 14 và vốn đầu tư lên đến 102 triệu USD⁽²⁸⁾, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2022, tiếp theo sau là các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, Singapore, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ với số vốn đầu tư lần lượt là 15 triệu USD; 11,8 triệu USD và 260 nghìn USD⁽²⁹⁾. (Xem Hình 1)

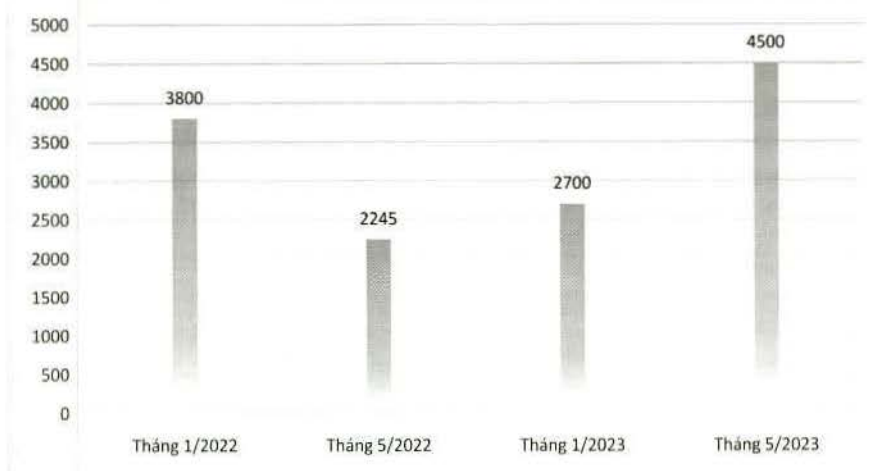
Về đầu tư ra nước ngoài, tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của Thái Lan tính đến cuối quý I/2023 đã tăng thêm 2,8 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước⁽³⁰⁾. Trong đó, Singapore là quốc gia được đầu tư nhiều nhất với số vốn lên đến 656,2 triệu USD, đứng thứ 2 là Philippines (591 triệu USD) và Việt Nam (512,7 triệu USD)⁽³¹⁾. Malaysia tập trung đầu tư chủ yếu vào lĩnh vực lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động tài chính, bảo hiểm;

Bảng 3: Các thị trường nhập khẩu chủ yếu của Thái Lan

Đơn vị: Tỷ USD

TT	Thị trường nhập khẩu	Giá trị hàng hóa nhập khẩu
01	Trung Quốc	66,43
02	Nhật Bản	35,57
03	Hoa Kỳ	14,58
04	Malaysia	12,05
05	Hàn Quốc	9,9
06	UAE	9,85
07	Indonesia	8,22
08	Singapore	7,34
09	Việt Nam	6,96
10	Úc	6,42

Nguồn: <https://oec.world/en/profile/country/tha>



Hình 1: Nguồn vốn FDI vào Thái Lan giai đoạn 2022 - 2023

Đơn vị: Triệu USD

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Thương mại bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; Khai thác mỏ và đá quặng.

2. Một số gợi ý chính sách kinh tế đối ngoại cho Việt Nam

2.1. Khái quát tình hình kinh tế đối ngoại của Việt Nam

Phát triển kinh tế đối ngoại là một trong những định hướng lớn của nền kinh tế Việt Nam. Chủ trương phát triển kinh tế đối ngoại đã góp phần đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, giúp Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo lạc hậu, vượt qua ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế, trở thành điểm sáng ở khu vực và trên thế giới. Hiện nay, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại, thúc đẩy hội nhập quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đưa đất nước trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁽³²⁾.

Thông qua hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam tăng cường hợp tác, đối thoại chiến lược và đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn, góp phần quan trọng tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong phát triển kinh tế, xã hội. Việc mở rộng hợp tác quốc tế đã góp phần thúc đẩy kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đóng góp quan trọng vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lũy kế đến năm 2022, Việt Nam có 34.141 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 403,2 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư nước ngoài ước đạt 245,14 tỷ USD, bằng 60,8% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực (Xem Bảng 4).

Hiện có 141 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam. Trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc, với tổng vốn đăng ký gần 73,8 tỷ USD (chiếm 18,3% tổng vốn đầu tư); Nhật Bản đứng thứ hai, với 63,9 tỷ USD (chiếm 15,8% tổng vốn đầu tư)⁽³³⁾... Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu

Bảng 4: Lũy kế các dự án FDI còn hiệu lực đến năm 2022

STT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)
1	Công nghiệp chế biến chế tạo	15.490	238.160,95
2	Kinh doanh bất động sản	978	61.290,93
3	Sản xuất, phân phối điện, khí	173	33.939,72
4	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	897	12.550,79
5	Xây dựng	1.764	10.170,81
6	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô và xe gắn máy	5.484	8.827,53
7	Vận tải kho bãi	899	5.760,9
8	Khai khoáng	108	4898,4
9	Giáo dục và đào tạo	603	4.429,4
10	Thông tin và truyền thông	2.513	4.053,7
11	Khoa học công nghệ	3.706	3.963,83
12	Nông, lâm và thủy sản	513	3.696,42
13	Nghệ thuật và giải trí	137	3.392,34
14	Cấp nước và xử lý chất thải	80	2.895
15	Y tế	152	1.999,85
16	Hoạt động hành chính	513	974
17	Hoạt động dịch vụ khác	146	848,8
18	Hoạt động tài chính	78	784,19
19	Hoạt động làm thuê trong các gia đình	7	11,07
	Tổng	34.141	403.188,48

Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư, 2022

tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Bao gồm: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với 238,2 tỷ USD, chiếm 59,1% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản với gần 61,3 tỷ USD (chiếm 15,2% tổng vốn đầu tư); sản xuất, phân phối điện với trên 33,9 tỷ USD (chiếm 8,4% tổng vốn đầu tư)⁽³⁴⁾. Bên cạnh đó, hàng hóa của Việt Nam đã thâm nhập được vào nhiều thị trường đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm như: Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Mỹ, Australia...

Về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, mặc dù đại dịch COVID-19 bùng phát, song cả năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa vẫn đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Thậm chí, năm 2020 còn có 31 mặt hàng đạt kim ngạch

xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó, 24 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD, 9 mặt hàng có kim ngạch trên 5 tỷ USD và 6 mặt hàng có kim ngạch trên 10 tỷ USD⁽³⁵⁾. Năm 2021, dù dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tổng trị giá xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt gần 454.58 tỷ USD. Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu đạt gần 225,2 tỷ USD, tăng 19,8% tương ứng tăng 37,15 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2020; tổng trị giá nhập khẩu của cả nước đạt 229,38 tỷ USD, tăng 32,2% (tương ứng tăng 55,92 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2020⁽³⁶⁾. Đến năm 2022, do có những chính sách điều chỉnh phù hợp nên tổng trị giá xuất - nhập khẩu của Việt Nam đạt gần 732,5 tỷ USD. Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu đạt gần 371,85 tỷ USD (tăng 10,6%); thị trường xuất khẩu lớn nhất là Hoa Kỳ với kim ngạch ước đạt 109,1 tỷ USD. Tổng trị giá nhập khẩu của

cả nước đạt 360,65 tỷ USD (tăng 8,4%) và Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 119,3 tỷ USD⁽³⁷⁾. Trong năm 2022, xuất siêu sang EU ước đạt 31,8 tỷ USD, tăng 36,8% so với năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 60,9 tỷ USD, tăng 11,5%; nhập siêu từ Hàn Quốc 38,3 tỷ USD, tăng 11,5%; nhập siêu từ ASEAN 13,6 tỷ USD, tăng 10,6%⁽³⁸⁾.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế đối ngoại của Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức lớn, có thể kể đến như: nhận thức của nguồn nhân lực về kinh tế đối ngoại nói riêng và kinh tế quốc tế nói chung vẫn còn hạn chế; công tác phổ biến thông tin, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế chưa thật sâu rộng ở tất cả các cấp; ngoại giao đa phương chưa phát huy tối đa các lợi thế, chưa tận dụng tốt các cơ hội để kinh tế nước ta hội nhập quốc tế nhanh và sâu hơn; sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm vẫn còn hạn chế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; hiệu quả đầu tư chưa thực sự cao như mong muốn; sự kết nối trong chuyển giao công nghệ giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, việc bảo vệ thị trường trong nước, xử lý tranh chấp thương mại quốc tế còn bất cập,...

2.2. Một số gợi ý cho Việt Nam

Từ nghiên cứu kinh nghiệm của Thái Lan, có thể rút ra một số bài học áp dụng vào Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng.

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến kinh tế đối

ngoại. Điều chỉnh và bổ sung các nội dung còn thiếu, không đồng bộ, thiếu tính nhất quán, nhất là những nội dung không phù hợp với bối cảnh phát triển như hiện nay. Đồng thời, tăng cường mở cửa, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn FDI cũng như tiến hành thu hút có chọn lọc các dự án nước ngoài cần phù hợp với quy hoạch phát triển đất nước nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ,...

Thứ hai, trong tình hình phát triển kinh tế mạnh mẽ như hiện nay, các nhà đầu tư nước ngoài vào ô ạt, hàng hoá nước ngoài tràn ngập trên thị trường, trong khi đó nền sản xuất trong nước vẫn chưa thực sự có chỗ đứng trên thị trường thế giới, do đó Việt Nam cần có những chính sách bảo vệ, hỗ trợ cho sự phát triển, nâng cao khả năng cạnh tranh của mình trên thị trường trong nước và quốc tế. Thành lập các trung tâm xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước trong việc tìm hiểu thông tin thị trường, khảo sát thị trường và tạo lập kênh phân phối, giới thiệu, quảng bá sản phẩm cũng như thành lập các khu chế xuất để khuyến khích thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, bổ sung nguồn tài chính, đổi mới công nghệ.

Thứ ba, tích cực đẩy mạnh quan hệ kinh tế với các đối tác lớn và có tiềm năng nhằm tạo đòn bẩy cho phát triển kinh tế, thương mại trong nước. Tập trung xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp có tính chất nền tảng (như công nghiệp hỗ trợ, vật liệu, hóa chất, chế tạo, chế biến, điện tử)⁽³⁹⁾ và hình thành các doanh nghiệp công nghiệp mạnh để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, kết nối với chuỗi cung ứng toàn

cầu cũng như phát triển một số ngành mang tính đột phá, phù hợp với xu thế quốc tế, như công nghệ xanh, các phương tiện giao thông sử dụng năng lượng mới, công nghiệp sinh hóa và dược phẩm...

Kết luận

Bằng những chính sách phát triển kinh tế kịp thời, đúng đắn của Chính phủ, Thái Lan đã trở thành một quốc gia có nền kinh tế phát triển thuộc loại bậc nhất Đông Nam Á. Các chính sách kinh tế đối ngoại phù hợp đã tạo cho Thái Lan một môi trường kinh doanh lành mạnh và thuận lợi từ các nguồn đầu tư trong và ngoài nước, là một điểm sáng về kinh tế vô cùng hấp dẫn của khu vực Châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Thái Lan đã, đang và sẽ là một quốc gia phát triển năng động, một trong những điểm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài không chỉ trong khu vực mà còn trên toàn thế giới.

Thái Lan và Việt Nam đều là những nước thành viên trong khối ASEAN, nên việc nghiên cứu kinh nghiệm từ chính sách phát triển, nhất là chính sách kinh tế đối ngoại của Thái Lan có vai trò rất quan trọng trong quá trình hội nhập với các nước trong khu vực cũng như các nước trên thế giới, đặc biệt có thể rút ra những bài học kinh nghiệm trên con đường phát triển kinh tế của Việt Nam./

CHÚ THÍCH

1. <https://etime.danviet.vn/gdp-nam-2022-vietnam-hon-413-ty-usd-van-xep-sau-thai-lan-malaysia-20221206203702374.htm>, truy cập ngày 01/06/2023.
2. “GDP năm 2022 của Thái Lan tăng 2,6% do xuất khẩu chậm lại lần át lợi nhuận từ du lịch”, *Tạp chí Tài chính online*.
3. Multi - dimensional review of Thailand, Volume 1, Initial Assessment, *OECD*
4. <https://oec.world/en/profile/country/tha#:~:text=Thailand%20has%20a%20high%20level,expected%20exports%20in%20each%20product>, truy cập ngày 05/05/2023
5. Điều này đúng với mục tiêu của Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Tầm nhìn ASEAN 2020 cho phép hàng hóa, dịch vụ, đầu tư được di chuyển tự do trong khu vực bằng cách loại bỏ dần các hàng rào thuế quan và phi thuế quan đối với đa phần các nhóm hàng và hài hòa hóa thủ tục hải quan giữa các nước
6. https://fta.moit.gov.vn/index.php?r=site%2Fdetail&id=569&sort=category_id&page=2, truy cập ngày 26/04/2023.
7. <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/thailand-import-tariffs>, truy cập ngày 30/06/2023
8. <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/thailand-import-tariffs>, truy cập ngày 29/06/2023
9. Thailand Industry Outlook 2023 – 2025, *Krungsri Research*.
10. Trong đó, Campuchia, Lào, Việt Nam và Myanmar đang là những thị trường tiềm năng mà các doanh nghiệp Thái hướng tới.
11. <https://www.grips.ac.jp/vietnam/VDFTokyo/Doc/TMJreportEN.pdf>, truy cập ngày 12/05/2023.
12. Myanmar, Indonesia, Việt Nam, Campuchia và Lào
13. Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ASEAN khác
14. Trung Đông, Nam Á và Châu Phi
15. <https://www.macrotrends.net/countries/THA/thailand/trade-balance-deficit>, truy cập ngày 25/05/2023
16. Thailand trade statistics, *World Integrated Trade Solution*
17. <https://oec.world/en/profile/country/tha>, truy cập ngày 26/06/2023
18. <https://www.macrotrends.net/countries/THA/thailand/trade-balance-deficit>, truy cập ngày 01/07/2023
19. <https://tradingeconomics.com/thailand/balance-of-trade>, truy cập ngày 25/06/2023.
20. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/diem-tin-thi-truong-thai-lan-tu-ngay-19-23-06-2023.html>, truy cập ngày 01/07/2023.
21. <https://www.nationthailand.com/thailand/econo>

my/40028907, truy cập ngày 14/07/2023.

22. Mặc dù vậy, vẫn có một số nông sản xuất khẩu bị suy giảm kim ngạch như sắn, cao su, hải sản đóng hộp và đã qua xử lý cùng thức ăn gia súc
23. http://www.tpsoc.moc.go.th/sites/default/files/inter_trade_monthly/2566/004_APR_66/press_release_eng_apr_23_final.pdf, truy cập ngày 10/07/2023.
24. Thai export decline in April makes it 7th consecutive month of contraction, *The Nation*
25. https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM27769, truy cập ngày 07/06/2023.
26. <https://www.ceicdata.com/en/indicator/thailand/total-imports-growth>, truy cập ngày 06/06/2023.
27. Huy Tiến (2023), “Thái Lan công bố số liệu tích cực về FDI”, *Thông tấn xã Việt Nam*
28. Thailand’s investment pledges jump 70% in H1, China tops FDI, *Reuters*
29. Thailand positive about foreign investment attraction in 2023, *Vietnamplus*
30. <https://www.ceicdata.com/en/indicator/thailand/direct-investment-abroad>, truy cập ngày 08/07/2023.
31. Bank of Thailand 2023
32. “Phát triển kinh tế đối ngoại trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay”, *Tạp chí Tài chính online*
33. “Korean investors pour USD2.34 billion into Vietnam in 7 months”, *Thời báo tài chính Việt Nam*
34. Trần Quốc Việt (2023), “Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2022: Nhìn từ quá trình triển khai đổi mới tư duy của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*
35. Cảnh Huệ (2022), “Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam đạt kỷ lục 700 tỷ USD, đứng thứ 2 ASEAN”, *Tạp chí Tiền phong*.
36. Hà My (2022), “Kinh tế đối ngoại: Việt Nam thuộc những nước đi đầu khu vực trong hợp tác kinh tế đa phương”, *Thời báo Tài chính Việt Nam*.
37. Bộ Công Thương (2023), *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2022*, NXB Hồng Đức, tr.11.
38. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/01/no-luc-phuc-hoi-xuat-nhap-khau-nam-2022-lap-ky-luc-moi/>, truy cập ngày 06/06/2023.
39. Bùi Thu Chang (2022), “Chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Cộng sản*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GDP năm 2022 của Thái Lan tăng 2,6% do xuất khẩu chậm lại lần át lợi nhuận từ du lịch”, *Tạp chí Tài chính online*
2. Huy Tiến (2023), “Thái Lan công bố số liệu tích cực về FDI”, *Thông tấn xã Việt Nam*
3. Minh Tiến (2023), “Ngoài Singapore, quốc gia nào trong khu vực đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam”, *Trang Thông tin điện tử tổng hợp*
4. Bank of Thailand 2023
5. Thailand Industry Outlook 2023 – 2025, *Krungsri Research*
6. Thailand’s investment pledges jump 70% in H1, China tops FDI, *Reuters*
7. Thailand positive about foreign investment attraction in 2023, *Vietnamplus*
8. http://www.mofahcm.gov.vn/vi/tintuc_sk/tulieu/nr060504090947/ns061007093724
9. <https://etime.danviet.vn/gdp-nam-2022-vietnam-hon-413-ty-usd-van-xep-sau-thai-lan-malaysia-20221206203702374.htm>
10. <https://oec.world/en/profile/country/tha#:~:text=Thailand%20has%20a%20high%20level,expected%20exports%20in%20each%20product>
11. https://fta.moit.gov.vn/index.php?r=site%2Fdetail&id=569&sort=-category_id&page=2
12. <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/thailand-import-tariffs>,
13. <https://www.grips.ac.jp/vietnam/VDFTokyo/Doc/TMJreportEN.pdf>
14. <https://www.aseanbriefing.com/news/thailand-adopts-new-five-year-investment-promotion-strategy/>
15. <https://tradingeconomics.com/thailand/balance-of-trade>
16. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/diem-tin-thi-truong-thai-lan-tu-ngay-19-23-06-2023.html>
17. <https://www.nationthailand.com/thailand/economy/40028907>
18. http://www.tpsoc.moc.go.th/sites/default/files/inter_trade_monthly/2566/004_APR_66/press_release_eng_apr_23_final.pdf,
19. https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM277692
20. <https://oec.world/en/profile/country/tha>
21. <https://www.ceicdata.com/en/indicator/thailand/total-imports-growth>,
22. <https://tradingeconomics.com/thailand/foreign-direct-investment>
23. <https://www.ceicdata.com/en/indicator/thailand/direct-investment-abroad>